

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HS-ST

Ngày 24-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1986, tại Tiền Giang. Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã Th, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp T1, xã Th1, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T1; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Tại Bản án số: 18/2008/HSST ngày 01-4-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã và bị tạm giam từ ngày 07-5-2019 cho đến nay. “có mặt”.

- Người bị hại: Bà Tổng Thị L, sinh năm 1961. “vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp S, xã Th1, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 30-10-2018, Phạm Ngọc Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 70D1-323.96 chở Trần Thị M đến khu vực ngã tư Trảng lớn để đi phụ hồ. Khi đến trạm xăng dầu Dung Phương, thuộc ấp Suối Muôn, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thì Đ điều khiển xe vào đồ xăng. Sau đó, Đ xin nước uống thì bà Tống Thị L chỉ đến chỗ bình nước gần trụ bơm xăng. Trong lúc uống nước, Đ nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu trắng - bạc để trên bàn gỗ phía sau trụ bơm xăng không người trông coi, Đ lén lút lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần cất giấu. Ngay sau đó, bà L phát hiện bị mất điện thoại nên trình báo Công an. Đến 18 giờ, cùng ngày, Đ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu trắng-bạc, có in chữ “Model A1688 FCC ID: BCG-E 2946A IC: 579C-E2946A”, số imei: 353263071188863, điện thoại có ốp lưng bằng nhựa, màu tím-bạc, được in hình bông hoa và dòng chữ “Kate spade New York” (đã trả lại cho bà Tống Thị L); 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, hình dáng mũ lưỡi trai, bên trên có dòng chữ “PIAGGIO”, có dính nhiều vết sơn màu trắng (đã qua sử dụng); 01 áo sơ mi bằng vải, hoa văn trên áo có hình sọc caro xanh – đen, loại có tay áo dài (đã qua sử dụng); 01 quần dài bằng vải thun, màu xám, trên quần có chữ “CONVERSE” (đã qua sử dụng).

Tại kết luận định giá tài sản số: 44/KL-HĐĐG ngày 07-11-2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu bạc, đã qua sử dụng, mua tháng 6-2018 có giá trị là 3.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 05/QĐ/KSĐT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Phạm Ngọc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo Đ đã có hành vi lén lút lấy tài sản là điện thoại di động của bà Tống Thị L có trị giá 3.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ. Đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 06 đến 09 tháng tù. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có tranh luận gì. Nội dung L nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ diễn biến vụ án đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 30-10-2018, lợi dụng sơ hở của bà Tống Thị L trong việc quản lý tài sản, bị cáo Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm điện thoại di động của bà L có trị giá là 3.500.000 đồng.

[3] L khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với L khai tại cơ quan điều tra, L khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận, bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Thông qua diễn biến vụ án và quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, cho thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản, gây mất an toàn và trật tự công cộng được Luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị, nhưng với bản tính lười lao động, bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Chính vì lẽ đó, cần thiết phải có hình phạt tương xứng áp dụng đối với bị cáo mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo đầu thú nhưng sau đó bỏ trốn và bị bắt

theo lệnh truy nã nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bà Tổng Thị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S, màu trắng-bạc, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho bà Tổng Thị L nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen; áo sơ mi bằng vải, hoa văn trên áo có hình sọc caro xanh – đen và quần dài bằng vải thun, màu xám, bị cáo Đ khai đã mặc khi thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có nguyện vọng nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Ngọc Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ **01** (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 07 tháng 5 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu đen, hình dáng mũ lưỡi trai, bên trên có dòng chữ “PIAGGIO”, có dính nhiều vết sơn màu trắng (đã qua sử dụng); 01 áo sơ mi bằng vải, hoa văn trên áo có hình sọc caro xanh – đen, loại có tay áo dài (đã qua sử dụng); 01 quần dài bằng vải thun, màu xám, trên quần có chữ “CONVERSE” (đã qua sử dụng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Ngọc Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng

đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân

Thái Văn Lộc

Phan Thị Phương

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án hình sự C.A huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương